

**CÔNG TY TNHH
HOÀNG TẤN PHÁT EXPRESS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01-2026/CV-HTP
V/v kê khai giá cước vận tải hành
khách bằng xe ô tô trong thời gian
Tết Nguyên Đán năm 2026

Gia Lai, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: - SỞ XÂY DỰNG TỈNH GIA LAI

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty TNHH Hoàng Tấn Phát EXPRESS gửi Hồ sơ kê khai giá cước phụ thu tuyến Gia Lai đi TP. Hồ Chí Minh và ngược lại:

Mức giá phụ thu thực hiện từ ngày:

- Trước Tết phụ thu chiều từ TP. Hồ Chí Minh (Bến xe miền đông cũ) về Gia Lai (Bến xe Đức Long, Bến xe Kbang, Bến Xe An Khê): phụ thu tối đa 40% từ ngày 16 tháng Chạp đến hết ngày 18 tháng Chạp (dương lịch từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 05/02/2026); tối đa 60% từ ngày 19 tháng Chạp đến hết ngày mùng 03 Tết (Dương lịch từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026).
- Sau Tết phụ thu chiều từ Gia Lai (Bến xe Đức Long, Bến xe Kbang, Bến xe An Khê) đi TP. Hồ Chí Minh (Bến xe Miền Đông cũ): Mức phụ thu tối đa 60% từ ngày mùng 4 Tết hết 13 tháng Giêng (dương lịch từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 01/03/2026).
- Cùng thời điểm ngược lại không phụ thu.

(Chi tiết theo hồ sơ gửi kèm)

Công ty TNHH HOÀNG TẤN PHÁT EXPRESS xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Cty



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tấn

- Họ tên người nộp văn bản: Bùi Thị Thúy Hà
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 01 Nguyễn Công Trứ, phường An Khê, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại liên lạc: 0337.09.81.81
- Email:.....
- Số Fax:.....

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

SỞ XÂY DỰNG TỈNH GIA LAI	
ĐẾN	Số: 3942
	Ngày: 27/01/2026
Chuyển:	
Số và ký hiệu hồ sơ:	

BẢNG KÊ KHAI GIÁ CƯỚC VẬN TẢI Ô TÔ

(Kèm theo công văn số 01-2026/CV-HTP ngày 22 tháng 01 năm 2026
của Công Ty TNHH HOÀNG TẤN PHÁT EXPRESS)

1. Tên đơn vị thực hiện kê khai giá: Công ty TNHH Hoàng Tấn Phát EXPRESS
2. Trụ sở: 01 Nguyễn Công Trứ, phường An Khê, tỉnh Gia Lai
3. Nội dung kê khai theo từng loại hình vận tải, loại hình dịch vụ:

TT	Tên dịch vụ cung ứng	Quy cách chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai phụ thu	% phụ thu	Ghi chú(thời gian áp dụng)
1	TP. Hồ Chí Minh (BX. Miền Đông)- Gia Lai (BX.An Khê, BX. Kbang)	Vé hành khách (xe 34 Giường)	Đồng/HK	400.000	530.000	33%	Từ ngày 16 tháng Chạp đến hết ngày 18 tháng Chạp (dương lịch từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 05/02/2026)
			Đồng/HK	400.000	605.000	51%	Từ ngày 19 tháng Chạp đến hết ngày Mùng 3 Tết (dương lịch từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026)
		Vé hành Khách (xe 24 giường)	Đồng/HK	550.000	770.000	40%	Từ ngày 16 tháng Chạp đến hết ngày 18 tháng Chạp (dương lịch từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 05/02/2026)
			Đồng/HK	550.000	880.000	60%	Từ ngày 19 tháng Chạp đến hết ngày Mùng 3 Tết (dương lịch từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026)
2	TP. Hồ Chí Minh (BX. Miền đông)- Gia Lai(Bến xe Đức Long)	Vé hành khách (xe 34 Giường)	Đồng/HK	350.000	490.000	40%	Từ ngày 16 tháng Chạp đến hết ngày 18 tháng Chạp (dương lịch từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 05/02/2026)
			Đồng/HK	350.000	560.000	60%	Từ ngày 19 tháng Chạp đến hết ngày Mùng 3 Tết (dương lịch từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026)
		Vé hành Khách (xe 24 giường)	Đồng/HK	500.000	700.000	40%	Từ ngày 16 tháng Chạp đến hết ngày 18 tháng Chạp (dương lịch từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 05/02/2026)
			Đồng/HK	500.000	800.000	60%	Từ ngày 19 tháng Chạp đến hết ngày Mùng 3 Tết (dương lịch từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026)

3	Gia Lai (Bến xe An Khê, Kbang)-TP. Hồ Chí Minh(BX. Miền Đông)	Vé hành khách (xe 34 Giường)	Đồng/HK	400.000	605.000	51%	Từ ngày mùng 4 Tết đến hết ngày 13 tháng Giêng (dương lịch từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 01/03/2026)
		Vé hành Khách (xe 24 giường)	Đồng/HK	550.000	880.000	60%	
4	Gia Lai (Bến xe Đức Long)-TP. Hồ Chí Minh (BX. Miền Đông)	Vé hành khách (xe 34 Giường)	Đồng/HK	350.000	560.000	60%	Từ ngày mùng 4 Tết đến hết ngày 13 tháng Giêng (dương lịch từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 01/03/2026)
		Vé hành Khách (xe 24 giường)	Đồng/HK	500.000	800.000	60%	

4. Các yếu tố chi phí cấu thành giá, phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động các yếu tố hình thành giá tác động tăng hoặc giảm giá: Sau khi phân tích tình hình thực tế đối chiếu với nhu cầu đi lại của nhân dân khả năng tăng đột biến trước và sau Tết, để góp phần giải tỏa lượng khách tại các bến xe và để đáp ứng kịp thời nhu cầu đi lại trong dịp Tết cổ truyền năm 2026.



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tấn

Gia Lai, ngày 22 tháng 01 năm 2026

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Đơn vị cung ứng: CÔNG TY TNHH HOÀNG TẤN PHÁT EXPRESS

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ DỊCH VỤ :

Để đảm bảo tình hình kinh doanh và vận tải khách Công ty xây dựng giá cước như sau:

Chi phí (2 lượt) từ Bến xe Đức Long (Tỉnh Gia Lai) đến Bến xe Miền Đông (TP Hồ Chí Minh) và ngược lại

1. Chi phí lương:

- Lương lái xe : 02 người x 650.000đồng = **1.300.000** đồng/người/chuyến

- Lương NVPV: 01 người x 350.000 đồng = **350.000** đồng/người/chuyến

2. Tiền ăn lái xe và nhân viên phục vụ: Gồm 3 người, tính cho cả chiều đi và về là 02 lượt: 3 người*2 lượt*60.000đ/người/chuyến*2 lần ăn/chuyến = **720.000** đồng/chuyến.

3. Chi phí năng lượng: Xe chạy dầu

- Định mức nhiên liệu : 35 Lít /100 km

- Cự ly vận chuyển : 550 km x 2 lượt x 35 lít : 100km = 385lít/ chuyến

- Thành tiền : 385 lít x 18.230 = **7.018.550** đồng/chuyến.

- Dầu mỡ phụ = 2% nhiên liệu chính (dầu diesel) : **7.018.550** đồng x 2% = **140.371** đồng /chuyến.

4. KHCB, SCL, SC thường xuyên

a/- Khấu hao tài sản cố định : Tài sản cố định thực tế 10.000.000.000 đồng, dự kiến khấu hao 10 năm .

KHTSCĐ = 10.000.000.000 đồng : 10 năm : 12 tháng : 30 chuyến/tháng = **2.777.778** đồng/chuyến

b/ Sửa chữa tài sản:

Sửa chữa định kỳ: =10% KHTSCĐ = 2.777.778 đồng x 10% = **277.778** đồng/chuyến .

Sửa chữa thường xuyên = 50 % sửa chữa lớn = **138.889** đồng/chuyến

5. Thuế đất đỗ xe, mặt bằng bán vé: 50.000 đồng/chuyến

6. Chi phí quản lý :

a/ Bảo hiểm vật chất xe và BH trách nhiệm dân sự :

64.229.300 đồng /xe/năm : 12 tháng :15 chuyến: 2 = **178.415** đồng

b/ Tiền xăng lốp và ắc qui

Dự kiến : Xăng lốp

01 chiếc lốp đi được quãng đường = 50.000 km

01 chiếc lốp trị giá : 11.000.000 đồng

(04 chiếc x 11.000.000đồng : 50.000 km) x 550 km x 2 lượt = **968.000/chuyến.**

Bình điện:

01 bộ = 02 cái x 5.500.000 đồng /cái = 11.000.000 đồng

01 bình điện sử dụng trong thời gian 01 năm

11.000.000đồng : (12 tháng x 15 chuyến /tháng x 2 lượt) = **30.556đồng /chuyến**

c/Chi phí cầu đường và phí bảo trì đường bộ: **928.000 đồng**

- Phí bảo trì đường bộ: 390.000 đồng/tháng : 30 ngày x 2 lượt = 26.000 đồng

-Tổng số trạm thu phí từ Gia Lai đến Tp HCM là 902.000đồng

d/ Hoa hồng bán vé và lệ phí bến bãi :

-Hoa hồng bán vé = 15 giường x 500.000 đồng /vé x 2%(tỷ lệ hoa hồng)= **150.000 đồng/chuyến.**

e/ Chi phí khác : (Tiền điện thoại + lương văn phòng + văn phòng phẩm + Chi phí rửa xe + Thuê VPCT + in vé,...): **300.000 đồng**

7. Trả lãi vay: (Đơn vị không tính vào chi phí)

* Tổng các khoản chi phí từ mục 1 đến mục 7: **15.328.337 đồng/chuyến.**

Doanh thu 01 chuyến: 500.000đ x 24 giường = 12.000.000đ

Lợi nhuận 01 chuyến = Doanh thu – Chi phí

$$= 12.000.000đ - 15.328.337 = -3.328.337$$

Trong trường hợp Công ty không phụ thu giá cước vận chuyển cho chiều xe rỗng từ TP. Hồ Chí Minh đến Gia Lai và ngược lại trong các ngày Tết Nguyên Đán thì Công ty phải bù lỗ tương ứng như trên tùy thời điểm.

Để thực hiện việc luân chuyển hành khách trong dịp Tết Nguyên Đán năm 2026 , Công ty áp dụng phụ thu 30-60% để đảm bảo được tình hình kinh doanh và thực hiện vận chuyển khách.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tấn

Gia Lai ngày 22 tháng 01 năm 2026

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Đơn vị cung ứng: CÔNG TY TNHH HOÀNG TẤN PHÁT EXPRESS

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ DỊCH VỤ :

Để đảm bảo tình hình kinh doanh và vận tải khách Công ty xây dựng giá cước như sau:

Chi phí (2 lượt) từ Bến xe Đức Long (Tỉnh Gia Lai) đến Bến xe Miền Đông (TP Hồ Chí Minh) và ngược lại

1. Chi phí lương:

- Lương lái xe : 02 người x 650.000đồng = **1.300.000** đồng/người/chuyến

- Lương NVPV: 01 người x 350.000 đồng = **350.000** đồng/người/chuyến

2. Tiền ăn lái xe và nhân viên phục vụ: Gồm 3 người, tính cho cả chiều đi và về là 02 lượt: 3 người*2 lượt*60.000đ/người/chuyến*2 lần ăn/chuyến = **720.000** đồng/chuyến.

3. Chi phí năng lượng: Xe chạy dầu

-Định mức nhiên liệu : 35 Lít /100 km

-Cự ly vận chuyển : 550 km x 2 lượt x 35 lít : 100km = 385lít/ chuyến

- Thành tiền : 385 lít x 18.230= **7.018.550** đồng/chuyến.

- Dầu mỡ phụ = 2% nhiên liệu chính (dầu diesel): **7.018.550** đồng x 2% = **140.371** đồng /chuyến.

4. KHCB, SCL, SC thường xuyên

a/- Khấu hao tài sản cố định : Tài sản cố định thực tế 10.000.000.000 đồng, dự kiến khấu hao 10 năm .

KHTSCĐ = 10.000.000.000 đồng : 10 năm : 12 tháng : 30 chuyến/tháng = **2.777.778** đồng/chuyến

b/ Sửa chữa tài sản:

Sửa chữa định kỳ: =10% KHTSCĐ = 2.777.778 đồng x 10% = **277.778** đồng/chuyến .

Sửa chữa thường xuyên = 50 % sửa chữa lớn = **138.889** đồng/chuyến

5. Thuế đất đỗ xe, mặt bằng bán vé: 50.000 đồng/chuyến

6. Chi phí quản lý :

a/ Bảo hiểm vật chất xe và BH trách nhiệm dân sự :

64.229.300 đồng /xe/năm : 12 tháng :15 chuyến: 2 = **178.415** đồng

b/ Tiền xăng lốp và ắc qui

Dự kiến : Xăng lốp

01 chiếc lốp đi được quãng đường = 50.000 km

01 chiếc lốp trị giá : 11.000.000 đồng

(04 chiếc x 11.000.000đồng : 50.000 km) x 550 km x 2 lượt = **968.000/chuyến.**

Bình điện:

01 bộ = 02 cái x 5.500.000 đồng /cái = 11.000.000 đồng

01 bình điện sử dụng trong thời gian 01 năm

11.000.000đồng : (12 tháng x 15 chuyến /tháng x 2 lượt) = **30.556 đồng /chuyến**

c/Chi phí cầu đường và phí bảo trì đường bộ: **1.291.000 đồng**

- Phí bảo trì đường bộ: 390.000 đồng/tháng : 30 ngày x 2 lượt = 26.000 đồng

-Tổng số trạm thu phí từ Gia Lai đến Tp HCM là 1.265.000đồng

d/ Hoa hồng bán vé và lệ phí bến bãi :

-Hoa hồng bán vé = 15 giường x 350.000 đồng /vé x 2%(tỷ lệ hoa hồng)= **105.000 đồng/chuyến.**

e/ Chi phí khác : (Tiền điện thoại + lương văn phòng + văn phòng phẩm + Chi phí rửa xe + Thuê VPCT + in vé,...): **300.000 đồng**

7. Trả lãi vay: (Đơn vị không tính vào chi phí)

* Tổng các khoản chi phí từ mục 1 đến mục 7: **15.646.337 đồng/chuyến.**

Doanh thu 01 chuyến: 350.000đ x 34 giường = 11.900.000đ

Lợi nhuận 01 chuyến = Doanh thu – Chi phí

$$= 11.900.000đ - 15.646.337 = -3.746.337$$

Trong trường hợp Công ty không phụ thu giá cước vận chuyển cho chiều xe rỗng từ TP. Hồ Chí Minh đến Gia Lai và ngược lại trong các ngày Tết Nguyên Đán năm 2026 thì Công ty phải bù lỗ tương ứng như trên tùy thời điểm.

Để thực hiện việc luân chuyển hành khách trong dịp Tết Nguyên Đán năm 2026 , Công ty áp dụng phụ thu 30- 60% để đảm bảo được tình hình kinh doanh và thực hiện vận chuyển khách.



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tấn

KBang, ngày 22 tháng 01 năm 2026

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Đơn vị cung ứng: CÔNG TY TNHH HOÀNG TẤN PHÁT EXPRESS

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ DỊCH VỤ :

Để đảm bảo tình hình kinh doanh và vận tải khách Công ty xây dựng giá cước như sau:

Chi phí (2 lượt) từ Bến xe Kbang (Huyện Kbang) đến Bến xe Miền Đông (TP Hồ Chí Minh) và ngược lại

1. Chi phí lương:

- Lương lái xe : 02 người x 650.000đồng = **1.300.000** đồng/người/chuyến

- Lương NVPV: 01 người x 350.000 đồng = **350.000** đồng/người/chuyến

2. Tiền ăn lái xe và nhân viên phục vụ: Gồm 3 người, tính cho cả chiều đi và về là 02 lượt: 3 người*2 lượt*60.000đ/người/chuyến*2 lần ăn/chuyến = **720.000** đồng/chuyến.

3. Chi phí năng lượng: Xe chạy dầu

- Định mức nhiên liệu : 35 Lít /100 km

- Cự ly vận chuyển : 678 km x 2 lượt x 35 lít : 100km = 475lít/ chuyến

- Thành tiền : 475 lít x 18.230 = **8.659.250** đồng/chuyến.

- Dầu mỡ phụ = 2% nhiên liệu chính (dầu diesel) : **8.659.250** đồng x 2% = **173.185** đồng /chuyến.

4. KHCB, SCL, SC thường xuyên

a/- Khấu hao tài sản cố định : Tài sản cố định thực tế 10.000.000.000 đồng, dự kiến khấu hao 10 năm .

$KHTSCĐ = 10.000.000.000 \text{ đồng} : 10 \text{ năm} : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ chuyến/tháng} = 2.777.778 \text{ đồng/chuyến}$

b/ Sửa chữa tài sản:

Sửa chữa định kỳ: =10% KHTSCĐ = 2.777.778 đồng x 10% = **277.778** đồng/chuyến .

Sửa chữa thường xuyên = 50 % sửa chữa lớn = **138.889** đồng/chuyến

5. Thuế đất đỗ xe, mặt bằng bán vé: 50.000 đồng/chuyến

6. Chi phí quản lý :

a/ Bảo hiểm vật chất xe và BH trách nhiệm dân sự :

64.229.300 đồng /xe/năm : 12 tháng :15 chuyến: 2 = **178.415** đồng

b/ Tiền xăm lốp và ốc qui

Dự kiến : Xăm lốp

01 chiếc lốp đi được quãng đường = 50.000 km

01 chiếc lốp trị giá : 11.000.000 đồng

(04 chiếc x 11.000.000đồng : 50.000 km) x 678 km x 2 lượt = **1.193.280/chuyến.**

Bình điện:

01 bộ = 02 cái x 5.500.000 đồng /cái = 11.000.000 đồng

01 bình điện sử dụng trong thời gian 01 năm

11.000.000đồng : (12 tháng x 15 chuyến /tháng x 2 lượt) = **30.556đồng /chuyến**

c/Chi phí cầu đường và phí bảo trì đường bộ: **986.000 đồng**

- Phí bảo trì đường bộ: 390.000 đồng/tháng : 30 ngày x 2 lượt = 26.000 đồng

-Tổng số trạm thu phí từ Kbang đến Tp HCM là 960.000đồng

d/ Hoa hồng bán vé và lệ phí bến bãi :

-Hoa hồng bán vé = 15 giường x 550.000 đồng /vé x 2%(tỷ lệ hoa hồng)= **165.000 đồng/chuyến.**

e/ Chi phí khác : (Tiền điện thoại + lương văn phòng + văn phòng phẩm + Chi phí rửa xe + Thuê VPCT + in vé,...): **300.000 đồng** .

7. Trả lãi vay: (Đơn vị không tính vào chi phí)

* Tổng các khoản chi phí từ mục 1 đến mục 7: **17.300.131 đồng/chuyến.**

Doanh thu 01 chuyến: 550.000đ x 24 giường = 13.200.000đ

Lợi nhuận 01 chuyến = Doanh thu – Chi phí

= 13.200.000-17.300.131 = -4.100.131

Trong trường hợp Công ty không phụ thu giá cước vận chuyển cho chiều xe rỗng từ TP. Hồ Chí Minh đến Gia Lai (huyện Kbang) và ngược lại trong các ngày Tết Nguyên Đán năm 2026 thì Công ty phải bù lỗ tương ứng như trên tùy thời điểm.

Để thực hiện việc luân chuyển hành khách trong dịp Tết Nguyên Đán, Công ty áp dụng phụ thu 30-60% để đảm bảo được tình hình kinh doanh và thực hiện vận chuyển khách.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tấn

An Khê, ngày 22 tháng 01 năm 2026

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Đơn vị cung ứng: CÔNG TY TNHH HOÀNG TẤN PHÁT EXPRESS

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ DỊCH VỤ :

Để đảm bảo tình hình kinh doanh và vận tải khách Công ty xây dựng giá cước như sau:

Chi phí (2 lượt) từ Bến xe An Khê (Thị Xã An Khê) đến Bến xe Miền Đông (TP Hồ Chí Minh) và ngược lại

1. Chi phí lương:

- Lương lái xe : 02 người x 650.000đồng = **1.300.000** đồng/người/chuyến

- Lương NVPV: 01 người x 350.000 đồng = **350.000** đồng/người/chuyến

2. Tiền ăn lái xe và nhân viên phục vụ: Gồm 3 người, tính cho cả chiều đi và về là 02 lượt: 3 người*2 lượt*60.000đ/người/chuyến*2 lần ăn/chuyến = **720.000** đồng/chuyến.

3. Chi phí năng lượng: Xe chạy dầu

-Định mức nhiên liệu : 35 Lít /100 km

-Cụ ly vận chuyển : 648 km x 2 lượt x 35 lít : 100km = 454lít/ chuyến

- Thành tiền : 454 lít x 18.230 = **8.276.420** đồng/chuyến.

- Dầu mỡ phụ = 2% nhiên liệu chính (dầu diesel): **8.276.420** đồng x 2% = **165.528** đồng /chuyến.

4. KHCB, SCL, SC thường xuyên

a/- Khấu hao tài sản cố định : Tài sản cố định thực tế 10.000.000.000 đồng, dự kiến khấu hao 10 năm .

KHTSCĐ = 10.000.000.000 đồng : 10 năm : 12 tháng : 30 chuyến/tháng = **2.777.778** đồng/chuyến

b/ Sửa chữa tài sản:

Sửa chữa định kỳ: =10% KHTSCĐ = 2.777.778 đồng x 10% = **277.778** đồng/chuyến .

Sửa chữa thường xuyên = 50 % sửa chữa lớn = **138.889** đồng/chuyến

5. Thuế đất đỗ xe, mặt bằng bán vé: 50.000 đồng/chuyến

6. Chi phí quản lý :

a/ Bảo hiểm vật chất xe và BH trách nhiệm dân sự :

64.229.300 đồng /xe/năm : 12 tháng :15 chuyến: 2 = **178.415** đồng

b/ Tiền xăng lốp và ắc qui

Dự kiến : Xăng lốp

01 chiếc lốp đi được quãng đường = 50.000 km

01 chiếc lốp trị giá : 11.000.000 đồng

(04 chiếc x 11.000.000đồng : 50.000 km) x 678 km x 2 lượt = **1.193.280/chuyến.**

Bình điện:

01 bộ = 02 cái x 5.500.000 đồng /cái = 11.000.000 đồng

01 bình điện sử dụng trong thời gian 01 năm

11.000.000đồng : (12 tháng x 15 chuyến /tháng x 2 lượt) = **30.556 đồng /chuyến**

c/Chi phí cầu đường và phí bảo trì đường bộ: **1.376.000 đồng**

- Phí bảo trì đường bộ: 390.000 đồng/tháng : 30 ngày x 2 lượt = 26.000 đồng

-Tổng số trạm thu phí từ Kbang đến Tp HCM là 1.350.000đồng

d/ Hoa hồng bán vé và lệ phí bến bãi :

-Hoa hồng bán vé = 15 giường x 400.000 đồng /vé x 2%(tỷ lệ hoa hồng)= **120.000 đồng/chuyến.**

e/ Chi phí khác : (Tiền điện thoại + lương văn phòng + văn phòng phẩm + Chi phí rửa xe + Thuê VPCT + in vé,...): **300.000 đồng**

7. Trả lãi vay: (Đơn vị không tính vào chi phí)

* Tổng các khoản chi phí từ mục 1 đến mục 7: **17.645.131 đồng/chuyến.**

Doanh thu 01 chuyến: 400.000đ x 34 giường = 13.600.000đ

Lợi nhuận 01 chuyến = Doanh thu – Chi phí

= 13.600.000-17.645.131= -4.045.131

Trong trường hợp Công ty không phụ thu giá cước vận chuyển cho chiều xe rỗng từ TP. Hồ Chí Minh đến Gia Lai (huyện Kbang) và ngược lại trong các ngày Tết Nguyên Đán năm 2026 thì Công ty phải bù lỗ tương ứng như trên tùy thời điểm.

Để thực hiện việc luân chuyển hành khách trong dịp Tết Nguyên Đán năm 2026, Công ty áp dụng phụ thu 30-60% để đảm bảo được tình hình kinh doanh và thực hiện vận chuyển khách.



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tấn

An Khê, ngày 22 tháng 01 năm 2025

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Đơn vị cung ứng: CÔNG TY TNHH HOÀNG TẤN PHÁT EXPRESS

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ DỊCH VỤ :

Để đảm bảo tình hình kinh doanh và vận tải khách Công ty xây dựng giá cước như sau:

Chi phí (2 lượt) từ Bến xe An Khê (Thị Xã An Khê) đến Bến xe Miền Đông (TP Hồ Chí Minh) và ngược lại

1. Chi phí lương:

- Lương lái xe : 02 người x 650.000đồng = **1.300.000** đồng/người/chuyến

- Lương NVPV: 01 người x 350.000 đồng = **350.000** đồng/người/chuyến

2. Tiền ăn lái xe và nhân viên phục vụ: Gồm 3 người, tính cho cả chiều đi và về là 02 lượt: 3 người*2 lượt*60.000đ/người/chuyến*2 lần ăn/chuyến = **720.000** đồng/chuyến.

3. Chi phí năng lượng: Xe chạy dầu

-Định mức nhiên liệu : 35 Lít /100 km

-Cự ly vận chuyển : 648 km x 2 lượt x 35 lít : 100km = 454lít/ chuyến

- Thành tiền : 454 lít x 18.230 = **8.276.420** đồng/chuyến.

- Dầu mỡ phụ = 2% nhiên liệu chính (dầu diesel): **8.276.420** đồng x 2% = **165.528** đồng /chuyến.

4. KHCB, SCL, SC thường xuyên

a/- Khấu hao tài sản cố định : Tài sản cố định thực tế 10.000.000.000 đồng, dự kiến khấu hao 10 năm .

KHTSCĐ = 10.000.000.000 đồng : 10 năm : 12 tháng : 30 chuyến/tháng = **2.777.778** đồng/chuyến

b/ Sửa chữa tài sản:

Sửa chữa định kỳ: =10% KHTSCĐ = 2.777.778 đồng x 10% = **277.778** đồng/chuyến .

Sửa chữa thường xuyên = 50 % sửa chữa lớn = **138.889** đồng/chuyến

5. Thuế đất đỗ xe, mặt bằng bán vé: 50.000 đồng/chuyến

6. Chi phí quản lý :

a/ Bảo hiểm vật chất xe và BH trách nhiệm dân sự :

64.229.300 đồng /xe/năm : 12 tháng :15 chuyến: 2 = **178.415** đồng

b/ Tiền xăng lốp và ắc qui

Dự kiến : Xăng lốp

01 chiếc lốp đi được quãng đường = 50.000 km

01 chiếc lốp trị giá : 11.000.000 đồng

(04 chiếc x 11.000.000đồng : 50.000 km) x 648 km x 2 lượt = **1.140.480/chuyến.**

Bình điện:

01 bộ = 02 cái x 5.500.000 đồng /cái = 11.000.000 đồng

01 bình điện sử dụng trong thời gian 01 năm

11.000.000đồng : (12 tháng x 15 chuyến /tháng x 2 lượt) = **30.556 đồng /chuyến**

c/Chi phí cầu đường và phí bảo trì đường bộ: **986.000 đồng**

- Phí bảo trì đường bộ: 390.000 đồng/tháng : 30 ngày x 2 lượt = 26.000 đồng

-Tổng số trạm thu phí từ An Khê đến Tp HCM là 960.000đồng

d/ Hoa hồng bán vé và lệ phí bến bãi :

-Hoa hồng bán vé = 15 giường x 550.000 đồng /vé x 2%(tỷ lệ hoa hồng)= **165.000 đồng/chuyến.**

e/ Chi phí khác : (Tiền điện thoại + lương văn phòng + văn phòng phẩm + Chi phí rửa xe + Thuê VPCT + in vé,...): **300.000 đồng**

7. Trả lãi vay: (Đơn vị không tính vào chi phí)

* Tổng các khoản chi phí từ mục 1 đến mục 7: **16.856.844 đồng/chuyến.**

Doanh thu 01 chuyến: 550.000đ x 24 giường = 13.200.000đ

Lợi nhuận 01 chuyến = Doanh thu – Chi phí

= 13.200.000-16.856.844 = -3.656.844

Trong trường hợp Công ty không phụ thu giá cước vận chuyển cho chiều xe rỗng từ TP. Hồ Chí Minh đến Gia Lai (thị xã An Khê) và ngược lại trong các ngày Tết Nguyên Đán thì Công ty phải bù lỗ tương ứng như trên tùy thời điểm.

Để thực hiện việc luân chuyển hành khách trong dịp Tết Nguyên Đán, Công ty áp dụng phụ thu 30%-60% vào các thời điểm khác nhau để đảm bảo được tình hình kinh doanh và thực hiện vận chuyển khách.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tấn

An Khê, ngày 22 tháng 01 năm 2025

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Đơn vị cung ứng: CÔNG TY TNHH HOÀNG TÂN PHÁT EXPRESS

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ DỊCH VỤ :

Để đảm bảo tình hình kinh doanh và vận tải khách Công ty xây dựng giá cước như sau:

Chi phí (2 lượt) từ Bến xe An Khê (Thị Xã An Khê) đến Bến xe Miền Đông (TP Hồ Chí Minh) và ngược lại

1. Chi phí lương:

- Lương lái xe : 02 người x 650.000đồng = **1.300.000** đồng/người/chuyến

- Lương NVPV: 01 người x 350.000 đồng = **350.000** đồng/người/chuyến

2. Tiền ăn lái xe và nhân viên phục vụ: Gồm 3 người, tính cho cả chiều đi và về là 02 lượt: 3 người*2 lượt*60.000đ/người/chuyến*2 lần ăn/chuyến = **720.000** đồng/chuyến.

3. Chi phí năng lượng: Xe chạy dầu

-Định mức nhiên liệu : 35 Lít /100 km

-Cự ly vận chuyển : 648 km x 2 lượt x 35 lít : 100km = 454lít/ chuyến

- Thành tiền : 454 lít x 18.230 = **8.276.420** đồng/chuyến.

- Dầu mỡ phụ = 2% nhiên liệu chính (dầu diesel) : **8.276.420** đồng x 2% = **165.528** đồng /chuyến.

4. KHCB, SCL, SC thường xuyên

a/- Khấu hao tài sản cố định : Tài sản cố định thực tế 10.000.000.000 đồng, dự kiến khấu hao 10 năm .

KHTSCĐ = 10.000.000.000 đồng : 10 năm : 12 tháng : 30 chuyến/tháng = **2.777.778** đồng/chuyến

b/ Sửa chữa tài sản:

Sửa chữa định kỳ: =10% KHTSCĐ = 2.777.778 đồng x 10% = **277.778** đồng/chuyến .

Sửa chữa thường xuyên = 50 % sửa chữa lớn = **138.889** đồng/chuyến

5. Thuế đất đỗ xe, mặt bằng bán vé: 50.000 đồng/chuyến

6. Chi phí quản lý :

a/ Bảo hiểm vật chất xe và BH trách nhiệm dân sự :

64.229.300 đồng /xe/năm : 12 tháng :15 chuyến: 2 = **178.415** đồng

b/ Tiền xăng lốp và ốc qui

Dự kiến : Xăng lốp

01 chiếc lốp đi được quãng đường = 50.000 km

01 chiếc lốp trị giá : 11.000.000 đồng

(04 chiếc x 11.000.000đồng : 50.000 km) x 648 km x 2 lượt = **1.140.480/chuyến.**

Bình điện:

01 bộ = 02 cái x 5.500.000 đồng /cái = 11.000.000 đồng

01 bình điện sử dụng trong thời gian 01 năm

11.000.000đồng : (12 tháng x 15 chuyến /tháng x 2 lượt) = **30.556 đồng /chuyến**

c/Chi phí cầu đường và phí bảo trì đường bộ: **1.376.000 đồng**

- Phí bảo trì đường bộ: 390.000 đồng/tháng : 30 ngày x 2 lượt = 26.000 đồng

-Tổng số trạm thu phí từ An Khê đến Tp HCM là 1.350.000đồng

d/ Hoa hồng bán vé và lệ phí bến bãi :

-Hoa hồng bán vé = 15 giường x 400.000 đồng /vé x 2%(tỷ lệ hoa hồng)= **120.000 đồng/chuyến.**

e/ Chi phí khác : (Tiền điện thoại + lương văn phòng + văn phòng phẩm + Chi phí rửa xe + Thuê VPCT + in vé,...): **300.000 đồng**

7. Trả lãi vay: (Đơn vị không tính vào chi phí)

* Tổng các khoản chi phí từ mục 1 đến mục 7: **17.201.844 đồng/chuyến.**

Doanh thu 01 chuyến: 400.000đ x 34 giường = 13.600.000đ

Lợi nhuận 01 chuyến = Doanh thu – Chi phí

= 13.600.000-17.201.844= -3.601.844

Trong trường hợp Công ty không phụ thu giá cước vận chuyển cho chiều xe rỗng từ TP. Hồ Chí Minh đến Gia Lai (thị xã An Khê) và ngược lại trong các ngày Tết Nguyên Đán thì Công ty phải bù lỗ tương ứng như trên tùy thời điểm.

Để thực hiện việc luân chuyển hành khách trong dịp Tết Nguyên Đán, Công ty áp dụng phụ thu 30%-60% vào các thời điểm khác nhau để đảm bảo được tình hình kinh doanh và thực hiện vận chuyển khách.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tấn

PHỤ LỤC SỐ 2: MẪU THÔNG TIN NIÊM YẾT GIÁ CƯỚC BẮT BUỘC
Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ
Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá

1. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách theo tuyến cố định:
1.1 Bảng niêm yết tại nơi bán vé

BẢNG GIÁ CƯỚC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH Bến xe khởi hành: Bến xe Miền Đông		
Địa danh đến (Tỉnh, thành phố)	Bến đến	Giá cước (đồng/HK)
Gia Lai	Bến xe An Khê Bến xe Kbang	530.000 (xe 34 phòng) 770.000 (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Thời gian áp dụng: từ ngày 16 tháng Chạp đến hết ngày 18 tháng Chạp (dương lịch từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 05/02/2026)		

- 1.2 Bảng niêm yết mặt ngoài thành xe:

GIÁ CƯỚC Tuyến đường: TP.HCM-GIA LAI Bến đi: Bến xe Miền Đông Bến đến: Bến xe Kbang/An Khê
Giá cước 01 lượt: 530.000đ (xe 34 phòng) Giá cước 01 lượt: 770.000đ (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Thời gian áp dụng: từ ngày 16 tháng Chạp đến hết ngày 18 tháng Chạp (dương lịch từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 05/02/2026)

PHỤ LỤC SỐ 2: MẪU THÔNG TIN NIÊM YẾT GIÁ CƯỚC BẮT BUỘC
Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ
Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá

1. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách theo tuyến cố định:

1.1 Bảng niêm yết tại nơi bán vé

BẢNG GIÁ CƯỚC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH Bến xe khởi hành: Bến xe Miền Đông		
Địa danh đến (Tỉnh, thành phố)	Bến đến	Giá cước (đồng/HK)
Gia Lai	Bến xe An Khê Bến xe Kbang	605.000 (xe 34 phòng) 880.000 (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Từ ngày 19 tháng Chạp đến hết ngày Mùng 3 Tết (ương lịch từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026)		

1.2 Bảng niêm yết mặt ngoài thành xe:

GIÁ CƯỚC Tuyến đường: TP.HCM-GIA LAI Bến đi: Bến xe Miền Đông Bến đến: Bến xe Kbang/An Khê
Giá cước 01 lượt: 605.000đ (xe 34 phòng) Giá cước 01 lượt: 880.000đ (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Từ ngày 19 tháng Chạp đến hết ngày Mùng 3 Tết (ương lịch từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026)

PHỤ LỤC SỐ 2: MẪU THÔNG TIN NIÊM YẾT GIÁ CƯỚC BẮT BUỘC
Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ
Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá

1. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách theo tuyến cố định:

1.1 Bảng niêm yết tại nơi bán vé

BẢNG GIÁ CƯỚC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH Bến xe khởi hành: Bến xe Miền Đông		
Địa danh đến (Tỉnh, thành phố)	Bến đến	Giá cước (đồng/HK)
Gia Lai	Bến xe Đức Long	490.000 (xe 34 phòng) 700.000 (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Thời gian áp dụng: từ ngày 16 tháng Chạp đến hết ngày 18 tháng Chạp (ương lịch từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 05/02/2026)		

1.2 Bảng niêm yết mặt ngoài thành xe:

GIÁ CƯỚC Tuyến đường: TP.HCM-GIA LAI Bến đi: Bến xe Miền Đông Bến đến: Bến xe Đức Long
Giá cước 01 lượt: 490.000đ (xe 34 phòng) Giá cước 01 lượt: 700.000đ (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Thời gian áp dụng: từ ngày 16 tháng Chạp đến hết ngày 18 tháng Chạp (ương lịch từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 05/02/2026)

PHỤ LỤC SỐ 2: MẪU THÔNG TIN NIÊM YẾT GIÁ CƯỚC BẮT BUỘC
Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ
Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá

1. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách theo tuyến cố định:

1.1 Bảng niêm yết tại nơi bán vé

BẢNG GIÁ CƯỚC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH Bến xe khởi hành: Bến xe Miền Đông		
Địa danh đến (Tỉnh, thành phố)	Bến đến	Giá cước (đồng/HK)
Gia Lai	Bến xe Đức Long	560.000 (xe 34 phòng) 800.000 (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Từ ngày 19 tháng Chạp đến hết ngày Mùng 3 Tết (dương lịch từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026)		

1.2 Bảng niêm yết mặt ngoài thành xe:

GIÁ CƯỚC Tuyến đường: TP.HCM-GIA LAI Bến đi: Bến xe Miền Đông Bến đến: Bến xe Đức Long
Giá cước 01 lượt: 560.000đ (xe 34 phòng) Giá cước 01 lượt: 800.000đ (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Từ ngày 19 tháng Chạp đến hết ngày Mùng 3 Tết (dương lịch từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026)

PHỤ LỤC SỐ 2: MẪU THÔNG TIN NIÊM YẾT GIÁ CƯỚC BẮT BUỘC
Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ
Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá

1. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách theo tuyến cố định:

1.1 Bảng niêm yết tại nơi bán vé

BẢNG GIÁ CƯỚC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH Bến xe khởi hành: Bến xe Kbang/An Khê		
Địa danh đến (Tỉnh, thành phố)	Bến đến	Giá cước (đồng/HK)
Thành phố Hồ Chí Minh	Bến xe Miền đông	605.000 (xe 34 phòng) 880.000 (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Từ ngày mừng 4 Tết đến hết ngày 13 tháng Giêng (dương lịch từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 01/03/2026)		

1.2 Bảng niêm yết mặt ngoài thành xe:

GIÁ CƯỚC Tuyến đường: GIA LAI-TP. HCM Bến đi: Bến xe Kbang/An Khê Bến đến: Bến xe Miền Đông
Giá cước 01 lượt: 605.000đ (xe 34 phòng) Giá cước 01 lượt: 880.000đ (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Từ ngày mừng 4 Tết đến hết ngày 13 tháng Giêng (dương lịch từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 01/03/2026)

PHỤ LỤC SỐ 2: MẪU THÔNG TIN NIÊM YẾT GIÁ CƯỚC BẮT BUỘC
Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ
Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá

1. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách theo tuyến cố định:

1.1 Bảng niêm yết tại nơi bán vé

BẢNG GIÁ CƯỚC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH Bến xe khởi hành: Bến xe Đức Long		
Địa danh đến (Tỉnh, thành phố)	Bến đến	Giá cước (đồng/HK)
Thành phố Hồ Chí Minh	Bến xe Miền đông	560.000 (xe 34 phòng) 800.000 (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Từ ngày mùng 4 Tết đến hết ngày 13 tháng Giêng (dương lịch từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 01/03/2026)		

1.2 Bảng niêm yết mặt ngoài thành xe:

GIÁ CƯỚC Tuyến đường: GIA LAI-TP. HỒ CHÍ MINH Bến đi: Bến xe Đức Long Bến đến: Bến xe Miền Đông
Giá cước 01 lượt: 560.000đ (xe 34 phòng) Giá cước 01 lượt: 800.000đ (xe 24 phòng)
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và bảo hiểm hành khách Từ ngày mùng 4 Tết đến hết ngày 13 tháng Giêng (dương lịch từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 01/03/2026)